

Số: 126/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 11 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 211, 213, 363, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Thanh L**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số C, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông L và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 04/11/2004; con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T thống nhất khai không có nên không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T tự nguyện liên đới chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T thuận tình ly hôn. Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T có 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 04/11/2004; con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T thống nhất khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thu T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0011526 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP. Bến Tre (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

THẨM PHÁN

đã ký

Võ Thị Cẩm Trang

